

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ UMANIX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ UMANIX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UMANIX TRADING & INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: UMANIX JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110295028

3. Ngày thành lập: 22/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 122 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989375432

Fax:

Email: info@umanix.vn

Website: umanix.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm	4632
2.	Bán buôn đồ uống	4633
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
4.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
6.	Dịch vụ đóng gói	8292
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết : Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh	8299(Chính)
8.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng	9329
9.	Lập trình máy vi tính	6201
10.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
11.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
12.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
13.	Cổng thông tin Chi tiết: – Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí); – Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; – Thiết lập mạng xã hội.	6312

14.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại - các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
15.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư	7020
16.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
17.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
18.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về chuyển giao công nghệ	7490
23.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
24.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
25.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
28.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
29.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
30.	Sản xuất đường	1072
31.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
32.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
33.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
34.	Sản xuất chè	1076
35.	Sản xuất cà phê	1077
36.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
37.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
38.	Sản xuất rượu vang	1102
39.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
40.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

41.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
42.	Sản xuất sợi	1311
43.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
44.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
45.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
46.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
47.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
48.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
49.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
50.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
51.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
52.	Sản xuất giày, dép	1520
53.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
54.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
55.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
56.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
57.	Sao chép bản ghi các loại	1820
58.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
59.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
60.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
61.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
62.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
63.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
64.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
65.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
66.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
67.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
68.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
69.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
70.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
71.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
72.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
73.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
74.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
75.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670

76.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
77.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
78.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
79.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
80.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
81.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
82.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
83.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
84.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
85.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
86.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
87.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử	4791
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: quán ăn, hàng ăn uống	5610
89.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
90.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
92.	Xuất bản phần mềm	5820
93.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
94.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	3030
95.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
96.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
97.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
98.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Loại trừ sản xuất vàng miếng)	3211
99.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
100.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
101.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
102.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (trừ các loại Nhà nước cấm)	3290
103.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

106.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
107.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI TRỌNG LỊCH	Số 94 Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	037083023127	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		

2	TRẦN HƯƠNG THẢO	P512 – H1, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0011840569 55
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000	
3	VŨ TRUNG ĐỨC	Xóm 4, Xã Gia Sinh, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0370880007 01
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000	
4	NGUYỄN ĐỖ ĐỒNG	Số 510, nhà B7, tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0380830001 05
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000	

5	NGUYỄN VŨ QUANG NGUYỄN	2101CT3 Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	038083001026
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỖ ĐỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038083000105

Ngày cấp: 04/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: số 511, nhà B7 tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 510, nhà B7, tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội